

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲ HỢP
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30 /2018/HSST

Ngày 26 tháng 7 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN HUYỆN QUỲ HỢP, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Đào Văn Đạt**.

Các Hội thẩm: Ông Lê Minh Tường.

Bà Nguyễn Lê Vinh Hương.

Thư ký phiên toà: Bà Trương Thị Thu Hà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An:

Bà: Trần Thị Huyền Trang: Kiểm sát viên:

Ngày 26 tháng 7 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số: 15/2018/HSST ngày 13 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37 /2018/QĐXXST-HS ngày 12/ 7 /2018 đối với các bị cáo:

1- Lương Văn M (Tên gọi khác: Cộc): Sinh năm 1964.

Trú tại: Bản Q, xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Quốc tịch: Việt nam, Dân tộc: Thái, Tôn giáo: Không. Giới tính: Nam

Trình độ văn hóa: 2/12, Nghề nghiệp: Nông nghiệp.

Con ông: Lương Văn N và con bà Lương Thị N.

Vợ: Lương Thị M, có 02 người con, lớn 30 tuổi, nhỏ 22 tuổi.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21 tháng 11 năm 2017, đến ngày 15/1/2018 được tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

2- Lương Văn H: Sinh năm 1981.

Trú tại: Bản Q, xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Quốc tịch: Việt nam, Dân tộc: Thái, Tôn giáo: Không. Giới tính: Nam

Trình độ văn hóa: 9/12, Nghề nghiệp: Nông nghiệp.

Con ông: Lương Văn Q và con bà Lương Thị Q.

Vợ: Kha Thị T, có 03 người con, lớn 11 tuổi, nhỏ 02 tuổi.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21 tháng 11 năm 2017, đến ngày 15/1/2018 được tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

2- Lo Văn T: Sinh năm 1986.

Trú tại: Bản H, xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Quốc tịch: Việt nam, Dân tộc: Thái, Tôn giáo: Không. Giới tính: Nam

Trình độ văn hóa: 12/12, Nghề nghiệp: Nông nghiệp.

Con ông: Lo Văn T và con bà Lo Thị T.

Vợ: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21 tháng 11 năm 2017, đến ngày 15/1/2018 được tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho các bị cáo Lương Văn H, Lo Văn Th: Bà Nguyễn Thị Quỳnh T.

Trợ giúp viên, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T. Chủ tịch UBND huyện Q, tỉnh Nghệ

Người được ủy quyền: Ông Vy Văn T, phó chủ tịch UBND huyện Q, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Lê Văn T: Sinh năm 1979.

Trú tại: Bản T, xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Người được ủy quyền: Anh Phạm Văn H. Sinh năm 1992.

Trú tại: Phòng 202, tòa nhà N3B, đường Lê Văn L, phường N, quận T, thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh T.

Ông Nguyễn Văn T, ông Hoàng Văn H, Luật sư, thuộc văn phòng luật sư Hoàng Hưng- Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

Ủy ban nhân dân xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lương Văn T:

Chủ tịch UBND xã N. Có mặt.

Ông Lo Văn T: Sinh năm 1957.

Trú tại: Bản H, xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Người làm chứng: Anh Lương Mạnh H: Sinh năm 1989.

Trú tại: Bản Q, xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Anh Nguyễn Huy Ch: sinh năm 1991.

Trú tại: Xóm N, xã Thanh T, huyện T, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 15 giờ, ngày 22 tháng 8 năm 2017, Lương Văn M, Lương Văn H gặp nhau trong rừng tại bản Q, xã N, huyện Q, cùng bàn bạc với nhau

vào đất rừng 163 của anh Lê Văn T để cắt trộm cây gỗ nhằm bán lấy tiền chia nhau. Khoảng 7 giờ ngày 23 tháng 8 năm 2017, Lương Văn H gọi điện cho Lo Văn T, rủ T đi cắt gỗ với H và M thì T đồng ý, T mang máy cưa xăng, can đựng xăng, còn M mang theo một chiếc dao.

Cả ba người đi hai xe máy vào đất rừng 163 của anh Lê Văn T để cắt trộm cây. M dùng dao phát cây nhỏ, mở đường để H và T thay nhau dùng cưa xăng để cắt hạ cây gỗ, cưa thành các khúc gỗ tròn. Trong ba ngày liên tiếp H, M, T cắt trộm được 6 cây (trong đó 02 cây gỗ Mang, 04 cây gỗ Dẻ) cưa được 15 khúc gỗ tròn (03 khúc gỗ mang, 12 khúc gỗ Dẻ), có khối lượng 3,260m³, giá trị 6.520.000đ (*Sáu triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng*), trong tổng số 32 cây bị chặt tại đất rừng 163 của anh Lê Văn T.

Trong tổng số 132 khúc gỗ tròn các loại thu giữ tại đất rừng ở bản Q, xã N, Q, thì xác định được 20 khúc gỗ tròn là do các bị cáo khai thác, đã xác định được khai thác trong đất rừng của anh T là 15 khúc gỗ và 05 khúc khai thác trong đất rừng UBND xã N.

Tại bản kết luận định giá số 90, ngày 07/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của UBND huyện Q, tỉnh Nghệ An 15 khúc gỗ (03 khúc gỗ mang, 12 khúc gỗ Dẻ), khối lượng 3,260m³, có giá là 6.520.000đ (*Sáu triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng*).

Bản cáo trạng số: 16/CT-VKSQH ngày 12/ 4 /2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q truy tố các bị cáo Lương Văn M, Lương Văn H, Lo Văn T về tội “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Lương Văn M, Lương Văn H, Lo Văn T về tội “ Trộm cắp tài sản”

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173 và điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo Lương Văn M từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng đến 18 tháng, Lương Văn H từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng đến 24 tháng, Lo Văn T từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 đến 18 tháng.

Về phần dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 587, 589 BLDS. Buộc các bị cáo liên đới bồi thường thiệt hại cho anh Lê Văn T số tiền là: trị 6.520.000đ (*Sáu triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng*). Tại phiên Tòa anh Lương Văn T đại diện cho UBND xã N, huyện Q không yêu cầu bồi thường thiệt hại, không xem xét. Về vật chứng: Xử lý theo quy định của pháp luật. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS, điểm a, g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc các bị cáo phải chịu án phí HSST.

Người bào chữa cho bị cáo Lo Văn T và Lương Văn H trình bày lời bào chữa:

Các bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng sâu, vùng xa, nhận thức còn hạn chế, các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường thiệt hại. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s, i khoản 1,2 Điều 51 Điều

65 BLHS. Xử phạt bị cáo Lo Văn T, Lương Văn H mỗi bị cáo 06 tháng tù cho hưởng án treo, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Anh Lê Văn T rút yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 6.22.000.000đ, yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại 06 cây gỗ mà bị cáo cắt trộm. Anh Lê Văn T xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Lê Văn T trình bày: Hiện nay việc phá chặt trộm cây trên đất anh T còn diễn ra nhiều, đề nghị Hội đồng xét xử kiến nghị đến các cơ quan chức năng để có biện pháp ngăn và xử lý nghiêm các đối tượng vào rừng chặt phá cây. Còn yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại mà các bị cáo đã gây ra cho anh T.

Các bị cáo Lương Văn M, Lương Văn H, Lo Văn T xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau

[1]. Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng.

Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra Công an huyện Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội.

Lời khai của bị cáo, người làm chứng, kết luận số 90/ KL- HĐĐG, ngày 07/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của UBND huyện Q, tỉnh Nghệ An, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản kiểm tra xác định vật chứng. Các bị cáo đã có hành vi phạm tội như sau; Trong ba ngày liên tiếp kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2018, các bị cáo Lương Văn M, Lương Văn H và Lo Văn T đã vào khu vực rừng 163 của anh Lê Văn T để cắt hạ được 06 cây gỗ, cưa được 15 khúc gỗ mục đích bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Sau khi các bị cáo bị cáo đã cắt được số gỗ đó đang vận chuyển ra bãi tập kết thì bị phát hiện và bị thu giữ 15 khúc gỗ với khối lượng là 3,260m³, có giá 6.520.000đ (*Sáu triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng*). Số gỗ mà các bị cáo cắt trộm chưa đủ số lượng để truy tố các bị cáo về tội hủy hoại rừng theo quy định của pháp luật, nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An truy tố các bị cáo Lương Văn M, Lương Văn H và Lo Văn T bị truy tố về tội “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS là có căn cứ.

[3]. Tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Các bị cáo Lương Văn M, Lương Văn H và Lo Văn T cùng cố ý thực hiện một tội phạm, do vậy đây là một vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn . Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến quyền sở hữu của tập thể và công dân.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo thì thấy:

Bị cáo Lương Văn M không có tiền án, tiền sự, nhân thân, bị cáo là người khởi xướng, do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm cao hơn so với hai bị cáo Lương Văn H và Lo Văn T. Tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS, bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật của Nhà nước và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nơi cư trú. Do vậy cần xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền nơi bị cáo cư trú quản lý và giám sát.

Bị cáo Lương Văn H không có tiền án, tiền sự, nhân thân. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1,2 Điều 51 BLHS, bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật của Nhà nước và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nơi cư trú. Do vậy cần xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền nơi bị cáo cư trú quản lý và giám sát.

Bị cáo Lo Văn T không có tiền án, tiền sự, nhân thân. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, mẹ bị cáo được tặng thưởng huân chương kháng chiến, tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS, bị cáo luôn chấp hành tốt pháp luật của Nhà nước và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nơi cư trú. Do vậy cần xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền nơi bị cáo cư trú quản lý và giám sát.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Lương Văn M, Lương Văn H và Lo Văn T có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho anh Lê Văn T với số tiền là 6.520.000đ (*Sáu triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng*), số tiền này các bị cáo đã bồi thường hiện nay đang tạm gửi vào tài khoản của Công an huyện Q tại kho Bạc nhà nước huyện Q.

Tại phiên tòa anh Lê Văn T rút yêu cầu các bị cáo Lương Văn M, Lương Văn H và Lo Văn T bồi thường số tiền 622.000.000đ (*Sáu trăm hai mươi hai triệu đồng*),

trong đó tiền thuê bảo vệ rừng ông Vi Văn Triều là 370.000.000đ, và ông Lương Văn P 185.000.000đ, bồi thường gần 30 gốc cây bị chặt là 60.000.000đ, tiền thuê ô tô, tác xi về giải quyết công việc, gặp cơ quan làm việc là 7.000.000đ. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Vật chứng: Đối với chiếc máy cưa xăng vỏ thân máy sơn màu vàng-trắng thu tại gia đình bị cáo Lo Văn T dùng cắt trộm gỗ do ông Lo Văn T là bố của bị cáo giao nộp, xét thấy đây là chiếc máy cưa xăng của gia đình bị cáo, việc bị cáo dùng để cắt trộm gỗ là gia đình bị cáo không biết, cần nên trả lại cho ông Lo Văn T bố của bị cáo. Đối với con dao không còn giá trị sử dụng nữa cần tịch thu tiêu hủy, trả lại cho anh Lê Văn T 15 khúc gỗ mà các bị cáo cắt trộm và 73 khúc gỗ thu được trong đất rừng của anh Lê Văn T, trả lại cho UBND xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An 44 khúc gỗ (Trong đó có 5 khúc gỗ do các bị cáo cắt trộm, còn 39 khúc gỗ thu được trong đất rừng của xã N quản lý).

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện của UBND huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An vắng mặt. Trong hồ sơ ý kiến của UBND huyện Q về việc giải quyết số gỗ thu trong đất rừng 163 của anh Lê Văn T thì UBND huyện Q giao số gỗ này cho anh Lê Văn T nhận lại còn việc ăn chia theo quy định thì huyện giải quyết với anh T sau.

Số gỗ thu trong đất rừng do UBND xã N quản lý thì, UBND huyện Q giao số gỗ này cho UBND xã N nhận lại. Tại phiên tòa hôm nay ông Lương Văn T đại diện cho UBND xã N có ý kiến xin lại số gỗ đó và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì nữa.

Đối với con trâu mà bị cáo Lo Văn T dùng vào việc kéo gỗ là của gia đình bị cáo, việc bị cáo dùng vào việc kéo gỗ trộm, nhưng gia đình không biết, hiện nay con trâu này đã mất, do vậy không xem xét.

Chiếc can bị cáo Lo Văn T dùng đựng xăng đem đi cắt trộm gỗ hiện nay đã bị mất, cơ quan Điều tra không thu giữ được, do vậy không xem xét.

Đối với bị cáo Lương Văn M bán một số cây gỗ trong đất rừng 163 của gia đình mình cho các ông Vi Văn T, Lo Văn C, Vi Văn S trong năm 2017 vào các thời điểm khác nhau, chưa được phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nhưng về khối lượng số gỗ chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, bị cáo chưa bị xử lý hành chính về hành vi khai thác gỗ trái phép. Do đó về hành vi này Cơ quan Điều tra công an huyện Q đề nghị Hạt kiểm lâm huyện Q xử lý hành chính đối với Lương Văn M về hành vi này.

Đối với các bị cáo Lương Văn H và Lo Văn T cắt trộm 05 khúc gỗ trong đất rừng thuộc UBND xã N quản lý, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, nên hai bị cáo không bị truy cứu về hành vi này.

Đối với việc các ông Lương Văn P, Vi Văn T vào rừng cắt gỗ tại đất rừng anh Lê Văn T là do anh T thuê vào cắt những cây gỗ đã bị chặt hạ từ trước để đem về, do vậy không xem xét trách nhiệm đối với những người này.

Đối với việc ông Lo Văn C, Vi Văn L, Lương Văn H dùng trâu kéo gỗ trong đất rừng của anh Lê Văn T, qua điều tra thì thấy Lo Văn C mua gỗ với bị cáo Lương Văn M, rồi thuê Lương Văn H, Vi Văn L đem trâu vào kéo ra bãi tập kết, chứ không phải kéo gỗ trong rừng của Lê Văn T.

Đối với hành vi cưa, cắt trộm 26 cây gỗ trong đất rừng của anh Lê Văn T và 18 cây gỗ trong đất rừng của UBND xã N quản lý, hiện nay chưa xác định được đối tượng cưa chặt, khai thác trái phép, cho nên cơ quan Điều tra công an huyện Q, tiếp tục điều tra, xác minh để xử lý.

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự “ Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng” do đó các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, xét thấy điều kiện gia đình các bị cáo còn khó khăn, bị cáo Lo Văn T còn sống phụ thuộc gia đình. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về án phí. Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo **Lương Văn M, Lương Văn H, Lo Văn T** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm b, s, i khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt

- Bị cáo Lương Văn M: **07**(Bảy) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 14 (Mười bốn tháng), tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị cáo Lương Văn H: **06**(Sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 (Mười hai tháng), tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị cáo Lo Văn T **06** (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 (Mười hai tháng), tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Lương Văn M, Lương Văn H, Lo Văn T cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp các bị cáo Lương Văn M, Lương Văn H, Lo Văn T thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng: Điểm c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của BLTTHS. Tịch thu tiêu hủy 01 con dao không còn giá trị sử dụng, trả lại cho ông Lo Văn T 01 máy cưa xăng vỏ thân máy sơn màu vàng- trắng, chi tiết thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/ 4/ 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Áp dụng: Điểm b khoản 3 Điều 106 của BLTTHS, trả lại cho anh Lê Văn T 73 khúc gỗ tròn các loại thu giữ trong đất rừng của ông Lê Văn T, 15 khúc gỗ tròn do các bị cáo cắt trộm trong đất rừng của anh Lê Văn T. Trả lại cho UBND xã N,

huyện Q, tỉnh Nghệ An 39 khúc gỗ tròn các loại thu giữ trong đất rừng của UBND xã quản lý và trả lại cho và 05 khúc gỗ tròn do các bị cáo cắt trộm trong đất rừng của UBND xã quản lý. Chi tiết được thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 587, 589 BLDS. Buộc các bị cáo Lương Văn M, Lương Văn H, Lo Văn T liên đới bồi thường thiệt hại trị giá cây cho anh Lê Văn T số tiền 6.520.000đ (*Sáu triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng*), theo kỷ phần là mỗi bị cáo bồi thường số tiền 2.173.000đ (*Hai triệu một trăm bảy mươi ba nghìn*). Số tiền này các bị cáo đã nộp và đang tạm gửi trong tài khoản số 3949.0.9042237.00000 của Công an huyện Q, tỉnh Nghệ An, tại Kho bạc Nhà nước huyện Q,

Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS, điểm a, g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc các bị cáo Lương Văn M, Lương Văn H, Lo Văn T mỗi bị cáo phải chịu án phí HSST là 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Tỉnh Nghệ An. Nguyên đơn dân sự vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- PGĐ kiểm tra TA Tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An.
- VKSND huyện Q;
- Công an huyện Q;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện Q;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

ĐÀO VĂN ĐẠT

